

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT TÂN PHÚ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm học 2023 - 2024
(Thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: TH, THCS VÀ THPT TÂN PHÚ
 2. Địa chỉ: 519 Kênh Tân Hóa, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.
 3. Điện thoại: 028 - 38605074
Email: info.stp@igcschool.edu.vn
Cổng thông tin điện tử: <https://tanphu.igcschool.edu.vn/>
 4. Loại hình của cơ sở giáo dục: Ngoài Công lập
 5. Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, mục tiêu của nhà trường:
 - 5.1. Sứ mệnh: Kiến tạo môi trường học tập hạnh phúc cho các thế hệ công dân toàn cầu.
 - 5.2. Tầm nhìn: Trường TH, THCS và THPT Tân Phú là nơi khai phóng tiềm năng, đào tạo thế hệ công dân toàn cầu hàng đầu tại TPHCM.
 - 5.3. Giá trị cốt lõi: Yêu thương – Tôn trọng – Trách nhiệm
 - 5.4. Mục tiêu giáo dục:
Kiến tạo môi trường học tập hạnh phúc cho các thế hệ công dân toàn cầu
- Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường:**
Tiền thân Trường TH, THCS và THPT Tân Phú là Trường THPT tư thục Tân Phú, được thành lập theo quyết định số 3913/QĐ-UBND ngày 29/08/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.
- Những đặc điểm chính của Trường:
- Về nhân sự: Năm học 2023 – 2024 số cán bộ - nhân viên và giáo viên toàn trường: 120 người. Trong đó: Hiệu trưởng: 01; Phó Hiệu trưởng: 02; Giáo viên: 66; nhân viên: 51.
- Về số lớp và học sinh: Trường có 27 lớp với tổng số 921 học sinh (367 nữ), trong đó: các lớp từ lớp 6 đến 12 học anh văn tăng cường theo chuẩn Châu Âu song song với chương trình Anh văn của Bộ GD&ĐT, chương trình tin học văn

phòng quốc tế,...

Về tổ chức đảng, đoàn thể: Chi bộ Trường TH, THCS và THPT Tân Phú, được thành lập theo quyết định số 102-QĐ/ĐU, ngày 08 tháng 10 năm 2018, trực thuộc Đảng ủy phường Hòa Thạnh, đến nay chi bộ có 19 đảng viên. Công đoàn có 120 công đoàn viên, trực thuộc Công đoàn giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh; Đoàn Thanh niên có 505 đoàn viên), 02 Trợ lý thanh niên, đến nay đã phát triển được 19 chi đoàn học sinh với 505 đoàn viên, trực thuộc Quận đoàn Tân Phú;...

Về cơ sở vật chất: Diện tích khuôn viên so với chuẩn quy định: $6720\text{m}^2/921$ học sinh. Trường có 38 phòng, trong đó: 30 phòng học và 09 phòng chức năng gồm: Phòng hành chính (phòng Hiệu trưởng, phòng phó Hiệu trưởng, phòng Truyền thống, phòng GV, phòng Đoàn Đội, phòng Kế toán, phòng học vụ, phòng tiếp PHHS, phòng tuyển sinh); 01 phòng Thư viện + Thiết bị; 01 phòng Y tế; 01 phòng tâm vấn tâm lý; 07 phòng thực hành...; 02 phòng vi tính; khu nhà ăn; căn tin 500m^2 . Mỗi phòng học được trang bị đầy đủ trang thiết bị, đảm bảo thực hiện hiệu tốt chương trình GDPT 2018. Ngoài ra trường còn có hồ bơi, sân bóng đá, sân đa năng, phòng Gym ngay khuôn viên trường. Bàn ghế trong các phòng học đủ, sắp xếp theo quy định. Số bàn ghế đúng quy cách đạt 100 %.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Ngô Vĩnh Trường - Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: 519 Kênh Tân Hóa, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: **0989 75 7171**

Email: **rector.stp@igcschool.edu.vn**

Trường TH, THCS và THPT Tân Phú được thành lập theo quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2019 Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về cho phép thành lập Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Tân Phú.

- Hội đồng trường được công nhận theo Quyết định số 1992/QĐ-GDĐT-TC ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

- Hiệu trưởng được công nhận theo Quyết định số 645/QĐ-SGDĐT ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

- Phó Hiệu trưởng được công nhận theo Quyết định 1696/QĐ-SGDĐT ngày 10 tháng 6 năm 2024 và Quyết định 1719/QĐ-SGDĐT ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

- **Thông tin tập thể lãnh đạo đơn vị.**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Email – Điện thoại
1	Ngô Vĩnh Trường	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng	rector.stp@igcschool.edu.vn 0989 75 7171
2	Trương Hoàng Kim Đức	Phó Hiệu Trưởng	v-rector2.stp@igcschool.edu.vn 0908172850
3	Lê Trà My	Phó Hiệu trưởng	v-rector.stp@igcschool.edu.vn 0944438462

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

a. Giáo viên:

Stt	Tổ bộ môn	Giáo viên		Đăng viên	Số giáo viên					
					Biên chế (cơ hữu)	GV TG	Trình độ			
		T.số	Nữ				>ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1	Toán	7	4	1	7			7		
2	Văn	7	5	1	7			7		
3	Anh văn	10	8	1	10			10		
4	Lý	3		1	3			3		
5	Hóa	3	2	1	3			3		
6	Sinh	1		1	1			1		
7	Sử	1	1		1		1			
8	Địa	2	2		2			2		
9	GDCD	2	2	1	2			2		
10	Tin học	3			1	2		3		
11	GDTC	1			1			1		
12	AN									
13	MT									
14	Tâm lý	1	1		1			1		
15	QN	31	9	6	31		3	28		
16	QP	1	1			1		1		
Tổng cộng		73	35	13	70	3	4	69		

b) Cán bộ - Nhân viên:

Stt	Tổ bộ môn	Nhân viên	Đăng viên	Số nhân viên		
				Biên chế (cơ hữu)	HB	Trình độ

		T.số	Nữ				>ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1	BGH	3	2	2	3		2	1		
2	TK HĐSP	1	1		1		1			
3	Kế toán	4	3	1	4		2		1	1
4	Thủ quỹ	1	1		1			1		
5	Thư viện	2	2		2			1	1	
6	IT	1			1			1		
7	Nhân sự	1	1		1			1		
8	Giáo vụ	2	2	2	2					2
9	S&M	1	1		1			1		
10	Y tế	2	2		2					2
12	Giặt ủi	7	7		7					7
13	Cấp đưỡng	24	19		24				2	22
14	Kỹ thuật	3			3				1	2
Tổng cộng		52	41	5	51		5	6	5	36

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Diện tích trường	Số phòng thí nghiệm	Số phòng nghe nhìn	Số phòng vi tính	Số phòng khác	Diện tích nhà ăn	Diện tích khu nội trú
4404,6m ²	05	30	02	09	869m ²	1738m ²

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. THCS

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh đầu năm	280	68	68	42	102
II	Số lớp	08	02	02	01	03
III	Số học sinh bình quân/lớp	35	34	34	42	34
IV	Số học sinh 2 buổi	280	68	68	42	102
V	Số học sinh nam/số học sinh nữ	170/110	41/27	44/24	25/17	60/42

VI	Số học sinh dân tộc thiểu số	18	02	02	04	10
VII	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	285	71	71	41	102
1	Tốt (Tỉ lệ so với tổng số)	285 (100%)	71 (100%)	71 (100%)	41 (100%)	102 (100%)
2	Khá (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Trung bình (Đạt) (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu (chưa đạt) (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh chia theo học lực	285	71	71	41	102
1	Giỏi (Tốt) (Tỉ lệ so với tổng số)	150 (52.63%)	35 (49.3%)	36 (50.7%)	20 (48.78%)	59 (57.84%)
2	Khá (Tỉ lệ so với tổng số)	127 (44.57%)	33 (46.48%)	33 (46.48%)	21 (51.22%)	40 (39.22%)
3	Trung bình (Đạt) (Tỉ lệ so với tổng số)	08 (2.8%)	03 (4.23%)	03 (4.23%)	0	02 (0.9%)
4	Yếu (Chưa Đạt) (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Kém (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IX	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (Tỉ lệ so với tổng số)	285 (100%)	71 (100%)	71 (100%)	41 (100%)	102 (100%)
a	Học sinh giỏi(HSXS) (Tỉ lệ so với tổng số)	67 (23.5%)	01 (1.41%)	03 (4.23%)	04 (9.76%)	59 (57.84%)
b	Học tiên tiến (HSG) (Tỉ lệ so với tổng số)	123 (43.15%)	34 (47.89%)	33 (46.48%)	16 (39.02%)	40 (39.22%)
2	Thi lại (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Lưu ban (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến (Tỉ lệ so với tổng số)	57 (20%)	02 (2.81%)	20 (28.1%)	03 (7.31%)	32 (31.37%)
	Chuyển trường đi và du học (Tỉ lệ so với tổng số)	24 (8.42%)	05 (7.04%)	11 (15.49%)	01 (2.43%)	07 (6.86%)
5	Bị đuổi học (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

6	Bỏ học(qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
X	Số học sinh đạt giải các kì thi học sinh giỏi					
1	Cấp tỉnh/thành phố					
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
XI	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	102	0	0	0	102
XII	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					
1	Giỏi (Tỉ lệ so với tổng số)	59 (57.84%)				59 (57.84%)
2	Khá (Tỉ lệ so với tổng số)	40 (39.22%)				40 (39.22%)
3	Trung bình (Tỉ lệ so với tổng số)	02 (0.9%)				02 (0.9%)

2. THPT

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh đầu năm	647	213	227	207
II	Số lớp	19	06	06	07
III	Số học sinh bình quân/lớp	34	35.5	37.8	29.7
IV	Số học sinh 2 buổi	647	213	227	207
V	Số học sinh nam/số học sinh nữ	383/264	117/96	136/91	130/77
VI	Số học sinh dân tộc thiểu số	23	06	04	13
VII	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	636	209	222	205
1	Tốt (Tỉ lệ so với tổng số)	633 (99.52%)	206 (98.56%)	222 (100%)	205
2	Khá (Tỉ lệ so với tổng số)	03 (0.47%)	03 (1.44%)	0	0

3	Trung bình (Đạt) (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Yếu (chưa đạt) (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
VIII	Số học sinh chia theo học lực	636	209	222	205
1	Giỏi (Tốt) (Tỉ lệ so với tổng số)	315 (49.53%)	72 (34.45%)	110 (45.99%)	133 (64.88%)
2	Khá (Tỉ lệ so với tổng số)	317 (49.84%)	135 (65.59%)	110 (45.99%)	72 (35.12%)
3	Trung bình (Đạt) (Tỉ lệ so với tổng số)	04 (0.63%)	02 (0.96%)	02 (0.9%)	0
4	Yếu (Chưa Đạt) (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
5	Kém (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
IX	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (Tỉ lệ so với tổng số)	636	209	222	205
a	Học sinh giỏi(HSXS) (Tỉ lệ so với tổng số)	146 (22.95%)	07 (3.35%)	06 (2.7%)	133 (64.88%)
b	Học tiên tiến (HSG) (Tỉ lệ so với tổng số)	241 (37.89%)	65 (31.1%)	104 (46.85%)	72 (35.12%)
2	Thi lại (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
3	Lưu ban (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến (Tỉ lệ so với tổng số)	28 (4.4%)	09 (4.30%)	12 (5.40%)	07 (3.41%)
	Chuyển trường đi và du học (Tỉ lệ so với tổng số)	56 (8.8%)	33 (15.78%)	16 (7.20%)	07 (3.41%)
5	Bị đuổi học (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học(qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
X	Số học sinh đạt giải các kì thi học sinh giỏi				
1	Cấp tỉnh/thành phố K12	01	0	0	01
2	Máy tính cầm tay K12	0	0	0	0

3	Cuộc thi Khoa học kỹ thuật	10	02	08	0
4	Olympic 30.4(K11)				
5	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
XI	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	205	0	0	205
XII	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	204	0	0	204
1	Giỏi (Tỉ lệ so với tổng số)	133 (64.88%)	0	0	133 (64.88%)
2	Khá (Tỉ lệ so với tổng số)	72 (35.12%)	0	0	72 (35.12%)
3	Trung bình (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
XIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (Tỉ lệ so với tổng số)	199 (97%)	0	0	199 (97%)

IV. TÀI CHÍNH

A. BIỂU PHÍ

1. Học phí (VND)

+ Học phí: được tính trọn năm học; chưa bao gồm thời gian học định hướng, khóa hè tự chọn và các hoạt động ngoại khóa khác theo nhu cầu của Cha mẹ học sinh/ Người giám hộ (CMHS). CMHS có thể thanh toán theo các gói được qui định tại Mục 1.1 hoặc 1.2 của Biểu phí này.

+ Đối với đợt thanh toán của tháng 1&2 sẽ thanh toán một lần vào tháng 1; tháng 4&5 sẽ thanh toán một lần vào tháng 4.

1.1 Học phí áp dụng cho học sinh bán trú (đã bao gồm phí bán trú)

Khối	Đóng theo tháng
6	5.190.000
7	5.400.000
8	5.610.000
9	5.785.000
10	5.800.000
11	6.625.000
12	8.280.000

1.2 Học phí và phí nội trú áp dụng cho học sinh nội trú

Loại phí	Khối	Đóng theo tháng
Học phí	6	6.655.000
	7	7.435.000
	8	7.610.000
	9	8.075.000
	10	8.090.000
	11	9.310.000
	12	11.365.000
Phí nội trú	Tất cả Khối lớp	2.100.000

2. Các khoản phí khác (VND)

Loại phí	Bậc học	Áp dụng cho học sinh bán trú	Áp dụng cho học sinh nội trú
Lệ phí đầu năm	Khối 6 & 10	1.750.000/ năm	2.400.000/ năm
	Khối 7, 8, 9	1.500.000/ năm	2.100.000/ năm
	Khối 11,12	1.600.000/ năm	2.200.000/ năm
Chương trình Leader in Me	THCS-THPT	2.200.000/ năm	
Phí ở lại thứ 7 & Chủ Nhật		315.000/ tuần	
Xe đưa rước		Công bố vào đầu năm học	
Phí đồng phục			

3. Phí thuộc đơn vị thứ 3

- + Lệ phí dự thi và cấp chứng chỉ: các bài thi của tổ chức bên ngoài.
- + Phí theo yêu cầu Nhà nước: Bảo hiểm Y tế.

Đơn giá và thời điểm thu các loại phí này tùy thuộc vào yêu cầu đơn vị thứ 3 và sẽ được thông báo đến Cha mẹ học sinh/ Người giám hộ trước khi thực hiện.

B. CHÍNH SÁCH GIA ĐÌNH CÓ NHIỀU CON ĐANG HỌC TRONG HỆ THỐNG TRƯỜNG HỌC CỦA TẬP ĐOÀN GIÁO DỤC IGC (Áp dụng cho anh chị

em ruột trong cùng một gia đình. Học sinh thứ 2 trở đi được tính dựa trên thứ tự nhập học vào các trường)

- Miễn phí ghi danh cho học sinh thứ 2 trở đi.
- Gia đình có 02 con: giảm 4% học phí cho học sinh thứ 2.
- Gia đình có 03 con: giảm 4% học phí cho học sinh thứ 2. giảm 8% học phí cho học sinh thứ 3.
- Gia đình có 04 con: giảm 8% học phí cho học sinh thứ 2 trở đi.

C. ĐƠN GIÁ HOÀN PHÍ BÁN TRÚ, NỘI TRÚ

Khi học sinh nghỉ Lễ, Tết, nghỉ từ 04 ngày trở lên:

• Đối với học sinh sử dụng dịch vụ bán trú: **đơn giá hoàn phí tiền ăn bán trú là 26.000VND/ ngày.**

• Đối với học sinh sử dụng dịch vụ nội trú: **đơn giá hoàn phí tiền ăn nội trú được tính như sau:**

Tiền ăn buổi sáng: 21.000VND/buổi;

Tiền ăn buổi trưa: 26.000VND/buổi;

Tiền ăn buổi chiều: 26.000VND/buổi.

D. CHÍNH SÁCH THU - HOÀN TRẢ CÁC LOẠI PHÍ

Chính sách thu - hoàn các loại phí theo quy định hiện hành được đính kèm và công bố hàng năm trên hệ thống website của trường (Link).



E. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Nhà trường sẽ không chịu trách nhiệm với những mất mát (nếu có) nếu Cha mẹ/ Người giám hộ không thanh toán đúng theo nội dung hướng dẫn này.

- Các khoản phí thanh toán bằng VND. Cha mẹ/ Người giám hộ thanh toán bằng chuyển khoản vào số tài khoản hoặc mã QR bên dưới.

Tên Tài khoản: Trường TH. THCS VÀ THPT Tân Phú

Ngân hàng: TMCP Phương Đông - OCB

Số tài khoản: 0037100005542008



Ngân hàng: TMCP Kỹ Thương Việt Nam – CN Gia Định
Số tài khoản: 1913 4762 7660 16



Lệnh thanh toán cần ghi rõ nội dung [MSHS] - [Họ&tenhocsinh. lop] - [Nội dung đóng phí]

V. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường:

Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí đạt như sau:

- Mức 1:

- + Số lượng tiêu chí đạt $28/28 = 100\%$;
- + Số lượng tiêu chí không đạt $0/28 = 0\%$;

- Mức 2:

- + Số lượng tiêu chí đạt $27/28 = 96.43\%$;
- + Số lượng tiêu chí không đạt $1/28 = 3.57\%$;

- Mức 3:

- + Số lượng tiêu chí đạt $11/28 = 39.29\%$;
- + Số lượng tiêu chí không đạt $17/28 = 60.71\%$;

Đối chiếu với Điều 6 và điểm a khoản 2 Điều 34 về công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục (Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Trưởng Bộ GD&ĐT), Trường TH, THCS và THPT Tân Phú tự đánh giá đạt Cấp độ 1.

2. Hằng năm nhà trường xây dựng, triểm khai kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục, có báo cáo kết quả thực hiện vào cuối năm học.

3. Năm 2022 nhà trường được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức đánh giá ngoài và công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục **Cấp độ 1**.

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 04 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Ngô Vĩnh Trường

